

G.B. HARISHA *

NGHIÊN CỨU *VEDA* CỦA SRI AUROBINDO TRONG BỐI CẢNH CÁC NGHIÊN CỨU LẤY CHÂU ÂU LÀM TRUNG TÂM

Tóm tắt: *Vedas* là suối nguồn của truyền thống Ấn Độ. Ấn Độ đã bảo tồn truyền thống truyền khẩu của *Vedas* không bị gián đoạn trong nhiều thiên niên kỷ qua và tiếp tục bảo tồn càng nhiều thiên niên kỷ nữa càng tốt. Đồng thời, Ấn Độ đã phải đương đầu với cả *Islam* giáo và *Kitô giáo* của châu Âu tấn công dữ dội trong lĩnh vực văn hóa. Quan điểm lấy châu Âu làm trung tâm đã tác động đến việc nghiên cứu nhiều văn bản cổ xưa của Ấn Độ, bao gồm cả *Vedas*. Triết học và thần học phương Tây, với tư cách quyền uy tối cao của chế độ thuộc địa, đã đóng một vai trò quan trọng trong việc định hình các diễn giải *Vedas* định hướng phương Đông học trong 300 năm qua về học thuật. Bài viết này cố gắng thể hiện tư tưởng nghiên cứu của Yogi Sri Aurobindo trong việc phát triển phản ứng của Ấn Độ đối với quan điểm phổ biến hiện có về các đặc điểm của *Vedas*.

Từ khóa: *Lấy châu Âu làm trung tâm; Sri Aurobindo; Vedas.*

Giới thiệu

Điểm quan trọng của *Vedas* nằm ở sự kết nối với các huyền thoại, biểu tượng, từ nguyên của nó đã được Ananda Coomaraswamy thảo luận một cách đáng khen ngợi trong *A New Approach to the Vedas - Một cách tiếp cận Vedas mới*¹. Ở đây, chúng tôi trình bày một vài nhận xét ban đầu của các nhà nghiên

* TS., Học giả về Hindu giáo; Giám đốc Trung tâm Văn hóa Swami Vivekananda, Hà Nội.

Ngày nhận bài: 15/11/2019; Ngày biên tập: 18/11/2019; Duyệt đăng: 26/11/2019.

cứu châu Âu về *Vedas* và sự phản hồi của một số nhà hiền triết Ấn Độ nổi tiếng theo truyền thống Hindu.

*Jnana*² thường được giải thích theo những cách khác nhau bởi các *samskritis* (nền văn hóa) khác nhau theo cách riêng của chúng³. Khi phong tục và các nền văn hóa đụng độ với nhau trong thời kỳ thực dân và các giai đoạn khó khăn của mỗi xã hội, việc tranh luận và trao đổi kiến thức sẽ không phải là giữa các nền văn hóa bình đẳng với nhau mà là giữa thực dân và người bị cai trị. Khái niệm về *sự trao đổi* sẽ không phải là một *samvad* - một cuộc đối thoại bình đẳng mà là sự truyền giáo một cách tự nhiên mà những kẻ thực dân sẽ là người đưa đường dẫn lối, cụ thể ở đây là chính quyền châu Âu trong bối cảnh của bài nghiên cứu này để thể hiện lòng tốt và “gánh nặng của người da trắng”⁴ (*White Man's Burden*) đối với người Ấn Độ trong các lĩnh vực khác nhau của *Jnana*.

1. Những nghiên cứu của các học giả thời thuộc địa

Ấn Độ đã đổi mặt thành công với các cường quốc thực dân trong các cuộc xâm lược của người Arab, người Thổ Nhĩ Kỳ, người Islam giáo trong thế kỷ 10-16⁵ và đặc biệt là thực dân Anh trong thế kỷ 17-20. Bài viết này tập trung vào thời kỳ thực dân Anh xâm chiếm Ấn Độ (1600-1947) và trong giai đoạn 347 năm này, một số sĩ quan, nhà khảo sát, học giả Cơ đốc giáo⁶ (Đạo Tin Lành và Công giáo) và tay sai của Đế quốc Anh đã nghiên cứu về Đạo Pháp Sanatana hoặc Hindu giáo trên nhiều khía cạnh. Họ đã tìm thấy cơ hội để áp dụng các hệ thống mới thiết lập, như: Nhân chủng học⁷ (1647), Triết học, Nghiên cứu Tôn giáo khi nghiên cứu tín đồ Hindu giáo và các thánh điển của họ. Trong hơn ba trăm năm, châu Âu đã “hình thành” các nghiên cứu về Hindu giáo, bao gồm: nghệ thuật, kiến trúc, đền thờ, chữ khắc, tiền xu, đời sống làng xã và thành phố, hệ thống gia đình, *Jati* (hệ thống đẳng cấp theo nghề nghiệp), *Varna* (đẳng cấp), *Ashrama* (4 giai đoạn trong cuộc đời của người Bàlamôn), *Dharmashastra* (một thể loại văn bản thần học tiếng Phạn, đề cập đến các chuyên luận (Shastras) của Hindu giáo về Đạo Pháp, luật pháp, nước và hệ thống thủy lợi, giáo dục

truyền thống, nghiên cứu ngôn ngữ, từ vựng, lịch sử văn học, lịch sử chính trị, bản đồ học. Các nghiên cứu này về bản chất và chủ yếu bao gồm nghiên cứu về *Vedas* khi trí tuệ của Hindu giáo rút ra nhiều gợi ý và hướng dẫn từ *Vedas* cho cả cuộc sống *aihika* - trần tục và *adhyatmika*- thiêng liêng⁸.

2. Một vài nhận định về *Vedas* của các học giả châu Âu

Swami Prakashananada Saraswathi đã kỳ công sưu tầm những nhận xét về các văn bản Hindu của nhiều học giả lấy châu Âu làm trung tâm và thể hiện nghiên cứu của mình trong tác phẩm được chú ý là *Lịch sử và tôn giáo của Ấn Độ, Từ điển bách khoa ngắn gọn về Hindu giáo đích thực* (The True History and Religion of India, A Concise Encyclopedia of Authentic Hinduism).

Vào tháng 1 năm 1784, *Hiệp hội Á châu Bengal* được thành lập tại Calcutta dưới sự bảo trợ của Warren Hastings (1732-1818) và William Jones (1746-1794) được bổ nhiệm làm Chủ tịch⁹. Hiệp hội đã ra mắt *Tạp chí Nghiên cứu châu Á* (Asiatic Researches Journal) để xuất bản các bài viết về tôn giáo so sánh, nghiên cứu ngôn ngữ so sánh của Hy Lạp, La Mã và Ấn Độ.

Việc xuất bản một bài báo của William Jones trong *Asiatic Researches* Vol. 1, 1788 đã mở đường cho nghiên cứu mới về tôn giáo Ấn Độ của các học giả châu Âu. Tập này đăng một bài tiểu luận có ảnh hưởng đến các học giả thế hệ kế tiếp, các tác giả nghiên cứu triết học và tôn giáo về Hindu giáo.

Trong cuốn sách của mình, *Trận chiến vì tiếng Phạn - Battle for Sanskrit*, ông Rajiv Malhotra đã chỉ ra rằng, vai trò của thứ chính trị văn hóa do bộ đôi Jones-Hastings thủ vai khi bắt đầu thiết lập lối miêu tả, tường thuật kiểu châu Âu cho các nghiên cứu về Hindu giáo.

Các tác giả của thế kỷ 18 đã nghiên cứu *Vedas* và *Thần tích Puranas* của Ấn Độ, *Ramayana*, *Mahabharatha* dưới con mắt của chủ nghĩa thực dân. H. H. Wilson (1786-1860) trong bản dịch *Vishnu Purana* (1832) lên án các nhân vật trong các thần tích [puranas] “có tính cách của kẻ trộm hoặc kẻ mạo danh. Các văn

bản gốc không tồn tại, do đó tất cả chúng đều được bịa đặt và không có tính xác thực”¹⁰. Bản dịch của ông là bản dịch qua ngôn ngữ châu Âu đầu tiên của *Vishnu Purana*. Ông đã đưa ra những nhận xét “ngốc nghếch” về các *Thần tích Puranas* của Hindu giáo, như: *Garuda Purana*, *Agni Purana*, *Brahmaivarta Purana*. Trong phần giới thiệu về *Vishnu Purana*, Wilson cố gắng chứng minh rằng, *Agni Purana* có nguồn gốc gần đây và mô tả nó bằng những lời như sau: “Đặc tính có tính bách khoa toàn thư của *Agni Purana*, như nó được mô tả hiện nay, loại trừ nó khỏi mọi tuyên bố hợp pháp được coi là một thần tích và chứng minh rằng nguồn gốc của nó không thể là từ rất xa xưa”¹¹. Theo truyền thống, 18 Puranas được coi là “tám kính lúp” của *Vedas*¹², nơi người ta thuật lại triết lý cao xa của *Vedas* dưới dạng chuyện kể dành cho người bình thường và Wilson gạt bỏ một *Purana* quan trọng khỏi danh sách những *Purana* này.

F. Max Muller (1823-1900) là tác giả quan trọng nhất đã dịch *Rig Veda* sang tiếng Anh và ông là biên tập viên của sê-ri danh tiếng của thế kỷ 19 “*Sacred Books of the East*” - *Những cuốn sách thiêng của phương Đông*. Ông đã dịch *Rig Veda* (1856) và thái độ học thuật của ông ta đối với *Vedas* rất thù địch và không khoa học. Một vài ví dụ có thể được đưa ra thông qua những lá thư mà ông đã viết cho vợ, mẹ của mình và cho nhiều học giả, bao gồm cả Chevalier Busen, Tiến sĩ Milman (Trưởng khoa tại trường St. Paul), Công tước Argyll; thư gửi Tiến sĩ John Marshall, biên tập viên cuốn *Original Sanskrit Texts - Các văn bản tiếng Phạn gốc*, hoặc *Origin and History of the People of India - Nguồn gốc và lịch sử của người Ấn Độ*. Nghiên cứu *Vedas* và truyền bá Kitô giáo là những chủ đề thường xuyên của những lá thư này.

Trong thời gian dịch *Vedas*, Muller đã viết một lá thư cho vợ mình từ Oxford như sau: “... Anh cảm thấy bị thuyết phục, mặc dù anh sẽ không sống để thấy điều đó, rằng phiên bản này của anh và bản dịch *Vedas* sẽ nói lên rất nhiều về số phận của Ấn Độ, và về sự phát triển của hàng triệu linh hồn ở đất nước đó. Đó chính là

gốc rễ tôn giáo của họ, và chỉ cho họ thấy gốc rễ đó là gì. Anh cảm thấy chắc chắn, là cách duy nhất để nhổ bật tất cả những gì đã nảy sinh từ nó trong suốt 3.000 năm qua (ngày 9 tháng 12 năm 1867)”¹³.

a) “Nhiều lần tôi đã được hỏi *Vedas* là gì? Tại sao nó nên được công bố? Những gì mà chúng ta có thể học được từ một cuốn sách được sáng tác gần bốn ngàn năm trước, và dự định từ đầu cho một cuộc đua chẳng có ích lợi gì với những kẻ ngoại đạo và man rợ”¹⁴. Ông coi *Yajna* (từ dịch thô, không chính xác) là Hiến sinh, không phải là cách dịch phù hợp mặc dù nó thường được sử dụng giữa các học giả, và mô tả lễ hiến sinh theo cách như sau:...

b) Trong cuốn sách của mình *Physical Religion - Tôn giáo thể chất* (1890), trong lần thuyết giảng thứ 5, Max Muller đã bày tỏ mục tiêu nghiên cứu *Vedas* và điều này đã nhận được sự phản hồi trực tiếp từ Sri Aurobindo sau vài thập niên: “Đối tượng của tôi trong việc trích dẫn những đoạn này chỉ đơn giản là để thể hiện mức độ thấp kém của tư tưởng *Vedas*. Không có một nền văn học nào khác mà chúng ta tìm thấy một kỷ lục về thời thơ ấu thực sự của thế giới khi được so sánh với *Vedas*. Thật dễ dàng để gọi những lời nói này là trẻ con và vô lý. Chúng thật trẻ con và vô lý”¹⁵.

c) “Hiến sinh là một nghề nghiệp rất tự nhiên đối với những kẻ man rợ thời Veda như nó được thực hành trong những kẻ man rợ hiện nay” (sđd. Chương III, trang 48, 52, 55). Max Muller gọi các Rishis Veda là những kẻ man rợ trong khi cho đến ngày nay, họ được tôn sùng như những người nhìn xa trông rộng bởi hàng triệu người Hindu và được nhiều học giả khác về văn hóa Ấn Độ tôn trọng. Có rất nhiều câu như vậy trong phần lớn “các nghiên cứu về *Vedas*” do Max Muller viết ra. Trước khi chuyển đến quan điểm của phía Ấn Độ và những người châu Âu khác về *Vedas* sau Max Muller, cần phải nêu bật một tuyên bố của Muller về *Vedas*: “Một số lượng lớn các bài thánh ca *Vedas* có tư duy như là trẻ con trong sự cực kỳ tẻ nhạt, trình độ thấp, tầm thường... Tôi nhắc bạn một lần

nữa rằng *Vedas* chứa đựng rất nhiều điều trẻ con và ngu ngốc...” (Sách đã dẫn, Ch. I, tr.26, 27).

3. Bối cảnh để hiểu cách tiếp cận truyền thống của người Ấn Độ đối với *Vedas*

Đối với những tâm trí không thể tiếp cận với những ý nghĩa bí mật, thần chú và yoga, phản ứng như vậy là tự nhiên. Truyền thống Ấn Độ không hé mở *Vedas* cho tất cả mọi người và chỉ mở ra cho tất cả những ai là *adhikari*, những người có khả năng thấu hiểu *Vedas*. Ở Ấn Độ, nó vẫn và sẽ là *bắt buộc hàng đầu phải học* các nhánh kiến thức có liên quan như *shiksham*¹⁶, *vyakarna*¹⁷, *chandasa*¹⁸, *vyotishya*¹⁹, *kalpa*²⁰, *nirukta*²¹ trước khi học *Vedas*. Ngay cả để học dưới chân của đạo sư, một phần của bất kỳ một nhánh nào của *Vedas*, cũng phải mất tối thiểu 12 năm, điều rất khó thực hiện trong bối cảnh hiện đại.

Nhiều người Ấn Độ đã bị ảnh hưởng bởi loại học thuật còn rất non nớt này của Max Muller và thậm chí còn ca ngợi ông ta. Trong bài viết này, quan điểm của Max Muller cùng với các quan điểm khác của các tác giả lấy châu Âu làm trung tâm về *Vedas* đã được đưa ra để đặt nền tảng lịch sử - triết học cho thấy tầm quan trọng của các lập luận của Swami Vivekanandas và Sri Aurobindo trái ngược với quan điểm của William Jones, Max Muller và các tác giả phương Tây khác.

Thế kỷ XX chứng kiến nhiều *yogis* và *rishis* vĩ đại ở Ấn Độ. Sri Ramakrishna Paramhansa, Maharshi Dayananada, Swami Vivekananda, Sri Aurobindo, Ramana Maharshi, Kavya kantha Vasishtha Ganapati Muni, T.V. Kapali Sastri đã giải thích ý nghĩa sâu sắc của *Vedas* qua sự nghiên cứu và kiến thức sâu rộng của họ.

Sri Aurobindo được sinh ra ở tỉnh Bengal trong thời kỳ thuộc địa, được giáo dục thông qua các phương pháp giáo dục hiện đại nhưng đã phát triển kiến thức phương Tây / Kitô giáo trên nền tảng vững chắc của tư tưởng Hindu - *Vedas*. Điều này phân biệt ông với những người đương thời tại Ấn Độ khác, những người có nền tảng

vững chắc về Vedanta, Jain giáo (Kỳ Na giáo) hoặc các sampradayas²² khác nhưng không có nền tảng thần học Kitô giáo. Giống như các thuật ngữ “tôn giáo”, “thánh ca”, thánh điển, thánh thư có một sự kết hợp rất cụ thể trong cả truyền thống thần học Kitô giáo và người Do Thái, các học giả châu Âu đã nghiên cứu *Vedas* của tín đồ Hindu giáo và phân loại *Vedas* theo những phạm trù này. Do đó, nếu Aurobindo áp dụng các thuật ngữ này trong các bài phát biểu và bài viết của ông thì đó là nhằm giúp các độc giả đã bị Tây hóa dễ lĩnh hội hơn.

Sri Aurobindo đã đến thăm và ở lại phương Tây. Ông học ở Luân Đôn gần 14 năm (1879-1893). Ông rất thành thạo về văn học, lịch sử, kiến trúc, triết học và thần học châu Âu. Do đó, đối với ông kiến thức phương Tây, xã hội, triết học không phải là mới vì ông đã gặp những khía cạnh đó thực tế ở cấp độ kinh nghiệm trước khi nghiên cứu văn học cổ điển Ấn Độ.

4. Tranh luận của Sri Aurobindo về *Vedas*

Sri Aurobindo là “người đối thoại toàn hảo bằng tiếng Phạn, tiếng Hy Lạp, tiếng Latinh, tiếng Pháp, tiếng Bengali, v.v... Ông có đủ khả năng để đưa ra những lời tuyên bố có thẩm quyền và đáng tin cậy theo tư duy so sánh”²³. Ông là bậc thầy vĩ đại về triết học và là một Yogi bậc cao trong nhiều thập niên về *sadhana - thực hành tâm linh*. Đây là một sự kết hợp hiếm hoi khi một thanh niên có học vấn phương Tây hiện đại biến đổi 180 độ thành một hành giả hoàn toàn và thực hành các trải nghiệm yoga của mình và viết đồng thời về trải nghiệm của mình lần kiểm tra chúng dưới ánh sáng của thần chú Veda của Vasishtha²⁴, Vamamdeva, Atri, Gritsamada²⁵ và thể hiện *Vedas* bằng tiếng Anh rất trau chuốt. Ông là một hiện tượng của thế kỷ 20 vì mô hình Veda-Yoga được phát triển bởi chính nhà tiên tri Sri Aurobindo.

Theo *Sri Aurobindo: Archives and Research - Sri Aurobindo: Tài liệu lưu trữ và nghiên cứu* của Pondicherry Ashram việc đọc *Vedas* của Sri Aurobindo đã được mở rộng. Từ những thông tin còn

sốt lại trong sổ ghi chép của ông cho thấy ông coi việc thực hành *pravacana* là một phần *sadhana* của mình. Đôi khi ông giữ một bản ghi chép cẩn thận về sự tiến bộ của mình, ví dụ: Toàn bộ *mandala* thứ chín đã được đọc trong bốn ngày của tháng 5 năm 1914”²⁶.

4.1. Trong thời gian bị biệt giam tại nhà tù Alipore, nhà cách mạng Sri Aurobindo đã được Swami Vivekananda “đến thăm”. Sau đó, ông trốn thoát đến Pondicherry, một thuộc địa của Pháp và bắt đầu *Yoga sadhana* nghiêm túc. Trong thời kỳ này, ông đã viết nhiều về *Vedas* và nghiên cứu *Vedas* với một nhà thơ theo chủ nghĩa dân tộc vĩ đại người Tamil là Subramnya Bharathi. Ông đã phát triển tầm nhìn của riêng mình về *Vedas* và kết hợp các nghiên cứu về *Vedas* với *sadhana - Thành tựu pháp*. Trong thời gian từ năm 1914-1920, ông đã viết các bài tiểu luận về *Vedas* với tiêu đề *Bí mật của Vedas* đăng trên tạp chí ra hàng tháng *Arya* và đã có đóng góp đột phá cho các nghiên cứu về *Vedas* từ quan điểm của người Ấn Độ. Ông đã đặt câu hỏi một cách thẳng thắn về những lý thuyết nửa vời được đưa ra bởi các tác giả đầu tiên của châu Âu.

“*Vedas* là Lời mà các nhà tiên tri ban đầu khám phá ra Chân lý, những lời đó được che phủ bởi những hình ảnh và biểu tượng mà sau đó chính là ý nghĩa huyền bí của cuộc sống. Đó chính là một khám phá thiêng liêng và tiết lộ tiềm năng của từ này (*Vedas*); về khả năng sáng tạo và tiết lộ bí ẩn của nó, nó không phải là một từ có tính logic và lý luận hay trí thông minh mang tính mỹ học, mà là lời nói có nhịp điệu trực quan và truyền cảm hứng, là thần chú. Hình ảnh và huyền thoại được sử dụng một cách tự do, không phải là một sự mê đắm trong trí tưởng tượng, mà là những câu chuyện ngụ ngôn và biểu tượng của những thứ rất thật đối với người nói và không thể tìm thấy hình dạng thân thiết và có tính bản địa của họ trong cách nói, và chính trí tưởng tượng là một đạo sĩ của một thực tại lớn hơn những ai đã gặp gỡ và nhận thấy nó...”²⁷.

Ở đây, theo Aurobindo, *Vedas* là những biểu hiện hợp lý và có tính thẩm mỹ của các Rishis (các nhà tiên tri), nhưng “rất thật” đối với họ. Thực tại này của các rishis hoàn toàn không được xem xét

bởi các tác giả lấy châu Âu làm trung tâm như đã đề cập trong phần đầu của bài viết.

4.2. Để đánh giá được *Vedas*, người ta phải hiểu rõ những câu thần chú của *Vedas* có ý nghĩa gì đối với các rishis và Aurobindo đã giải thích nó: “Những người xướng ca “*Vedas* chắc chắn không xem xét chức năng của mình như cách mà các học giả hiện đại làm. Họ không coi mình như một loại thầy thuốc cao tay hay những người tạo ra những bài thánh ca và bùa chú cho một bộ lạc mạnh mẽ và man rợ, mà như nhà tiên tri và nhà tư tưởng, *rishi* và *dhira*. Những thi sĩ này tin rằng, họ đang sở hữu một sự thật cao cả, huyền bí và ẩn giấu, họ tự xưng là người mang trong mình những lời nói có thể chất chứa kiến thức thiêng liêng, và bày tỏ một cách rõ ràng về những lời nói của họ, với tư cách những lời bí mật chỉ tiết lộ toàn bộ ý nghĩa của chúng với nhà tiên tri, *kavaye nivacana ninya vacamsi*”²⁸ (Có nghĩa là: nhà tiên tri chỉ nói lên ý nghĩa nội tâm của họ).

4.3. Nhưng các nghiên cứu lấy châu Âu làm trung tâm và thuộc địa lại coi rishis là những kẻ man rợ và điều này đã hạn chế họ không thể biết được trí tuệ cổ sơ đằng sau những câu thần chú Veda. Aurobindo đã bảo vệ sự rõ ràng của các nhà tiên tri Veda trong tác phẩm của mình *Secret of the Vedas - Bí mật của Vedas*.

Sự khác biệt về quan điểm so với các thi sĩ Hindu giáo sau này của các tác giả *Vedas* có nghĩa gì theo quan điểm của Sri Aurobindo: “Và đối với những thi sĩ Hindu giáo đến sau, *Vedas* là một cuốn sách về tri thức, và thậm chí là tri thức tối cao, một sự mặc khải, một cách nói tuyệt vời về sự thật vĩnh cửu và vô định như đã được nhìn thấy và nghe thấy từ kinh nghiệm nội tâm của các nhà tư tưởng đầy cảm hứng và như các á thần”.

Ở đây, ông đang chỉ ra các nhà tư tưởng *Upanishads* và các nhà văn Vedantic sau này và quan điểm của ông cho thấy rõ rằng nghiên cứu *Vedas* cần bao gồm việc nghiên cứu về *Upanishads* và các bài bình luận liên quan đến *Vedas* và *Upanishads* của người Ấn Độ cổ đại. Những điểm này đã bị bỏ qua bởi các tác giả lấy châu

Âu làm trung tâm ban đầu. Họ chỉ chọn một vài bình luận và không chú ý đến tầm nhìn toàn thiện về *Vedas* của người bản địa.

4.4. Trong *Bí mật của Vedas*, ông đề cập đến cách giải thích của Max Muller về *Vedas*: “Một học giả nổi tiếng của Đức được đánh giá từ bộ cao của trí thông minh vượt trội cho rằng chỉ những người ngớ ngẩn mới tìm thấy sự thăng hoa ở *Vedas*, nói với chúng ta rằng, *Vedas* đầy những quan niệm trẻ con, ngớ ngẩn, thậm chí quái dị, rằng nó tẻ nhạt, ở trình độ thấp kém, tầm thường, đại diện cho bản chất con người ở mức độ thấp kém về sự ích kỷ và tính trần tục và rằng chỉ ở đây đó là có một vài tình cảm hiếm hoi xuất phát từ sâu thẳm tâm hồn. Nó có thể được thực hiện như vậy nếu chúng ta đặt những quan niệm tinh thần của riêng mình vào những lời nói của các rishis, nhưng nếu chúng ta đọc chúng như chúng vốn có mà không bị ảnh hưởng bởi việc dịch sai vào những điều chúng ta suy nghĩ (rằng chỉ những kẻ man rợ mới nói và nghĩ như vậy), thì ta sẽ thấy đây là thứ Thơ thiêng liêng siêu phàm và mạnh mẽ trong từ ngữ và hình ảnh của nó, mặc dù với một loại ngôn ngữ và trí tưởng tượng khác mà chúng ta thích và đánh giá cao, sâu sắc và tinh tế trong trải nghiệm tâm lý của nó và bị khuấy động bởi một tâm hồn cảm động và bật phát ra ngôn từ. Hãy lắng nghe *Vedas* qua lời của chính nó”.

Ông đã nghiên cứu các bản dịch quan trọng được thực hiện bởi người châu Âu và cả bhashyas²⁹ về *Vedas* của Sayana³⁰ và Swami Dayananda Saraswathi. Chính ông đã dịch các câu thần chú về Thần Lửa Agni (*Hymns to the Mystic Fire- Những bài tụng ca dành cho ngọn lửa huyền bí*), bình luận về *Upanishads* và *Bhagavad Gita-Chí tôn ca* và sáng tác thơ tâm linh nguyên thủy *Savitritheo* trường phái của các nhà thơ - đạo sĩ thời cổ đại. Ông đã giải thích tại sao *Vedas* không phải là một huyền thoại hay trí tưởng tượng bằng những lời sau: “Cái mà đối với tâm trí phương Tây là huyền thoại và trí tưởng tượng thì ở đây lại là một thực tế và là một chuỗi của cuộc sống nội tâm của chúng ta, cái được coi là ý tưởng thơ ca tuyệt đẹp và suy đoán triết học ở đây chính là một điều liên tục

được nhận thức và trình bày theo trải nghiệm. Điểm đặc biệt của tâm trí Ấn Độ nằm ở sự chân thành về tinh thần và chủ nghĩa thực chứng tâm linh của nó đã làm cho *Vedas* và *Upanishads*, thơ ca tôn giáo và triết học sau này trở nên mạnh mẽ trong cảm hứng và sự thân thiết, nó sống trong sự biểu hiện và hình ảnh, nó có ít sức hấp dẫn hơn nhưng vẫn có tác dụng rất thực tế đối với hoạt động của ý tưởng thơ ca và trí tưởng tượng ngay cả trong một nền văn học có tính thể tục hơn”.

4.5. Lý thuyết về sự xâm lăng của người Aryan - *Aryan Invasion Theory* (AIT)

Cả Sri Aurobindo và Vivekananda đã đặt câu hỏi về tính xác thực của việc di cư của người Aryan đến Ấn Độ từ Trung Á trong các tác phẩm của mình. Sri Aurobindo đã đặt câu hỏi về lý thuyết đó bằng một ngôn từ rõ ràng: “Bây giờ chúng ta biết rằng các nền văn minh đáng chú ý đã tồn tại ở Trung Quốc, Ai Cập, Chaldea, Assyria từ hàng ngàn năm trước, và giờ đây người ta thường đồng ý rằng Hy Lạp và Ấn Độ không phải là ngoại lệ đối với nền văn hóa cao cấp của châu Á và các chủng tộc Địa Trung Hải. Nếu người Ấn Độ thời Veda không nhận được lợi ích từ kiến thức xét lại này, thì đó là do sự tồn tại của lý thuyết mà sự uyên bác của châu Âu đã khởi đầu, rằng họ thuộc về cái gọi là chủng tộc Aryan và có cùng trình độ văn hóa với thời kỳ đầu Aryan Hy Lạp, Celts, Đức khi họ được đại diện cho chúng ta trong những bài thơ của Homer, Sagas Norse cổ xưa và các câu chuyện của người La Mã về xứ Gaul và Teuton cổ đại. Do đó, người ta đã đưa ra giả thuyết rằng, các chủng tộc Aryan này là những kẻ man rợ phương Bắc đã đột nhập từ các vùng đất lạnh hơn vào các nền văn minh cổ xưa và giàu có của Địa Trung Hải, Châu Âu và Ấn Độ của người Dravidian.

Nhưng các chỉ dẫn trong *Vedas* mà trên đó, lý thuyết về cuộc xâm lược của người Aryan gần đây được xây dựng có rất ít về số lượng và không chắc chắn về tầm quan trọng của chúng. Không có đề cập thực sự nào về bất kỳ một cuộc xâm lược như vậy. Sự khác

biệt mà trên đó có rất nhiều giả thuyết giữa người Aryan và không phải người Aryan được xây dựng rất nhiều, dường như chỉ mang tới vô số bằng chứng để chỉ ra một sự khác biệt về văn hóa chứ không phải là một sự khác biệt về chủng tộc”³¹.

4.6. Sri Aurobindo bàn về *Thần tích Vishnu Purana*

Trong phần đầu của bài viết này, quan điểm của H. H. Wilson về *Thần tích Vishnu Purana* đã được trích dẫn. Trái với quan điểm của nhà Đông phương học đầu tiên này, Sri Aurobindo đã đánh giá *Thần tích Vishnu Purana* rất cao. Ông nhận xét “Giống như *Upanishads*, *Puranas* là kinh điển có thẩm quyền của Đạo pháp Hindu”³². Ông đề cập đến nó theo cách sau: “Ví dụ, mặc dù có đôi chỗ khô khan, *Vishnu Purana* là một tác phẩm văn học đáng chú ý, có chất lượng rất đáng kể, duy trì phần lớn sức mạnh trực tiếp và tầm cao của phong cách sử thi cổ xưa. Trong đó có một sự chuyển động đa dạng, nhiều sức mạnh và một vài cách viết sử thi siêu phàm, một yếu tố trữ tình của sự sáng suốt và vẻ đẹp ngọt ngào, một số câu chuyện về sự giản dị nhất và khéo léo nhất trong tay nghề về thi ca”³³.

Kết luận

Xã hội Ấn Độ coi trọng *Vedas* ngay cả trong thời kỳ hiện đại. *Vedas* là nguồn thơ vĩnh cửu thể hiện kiến thức về cái thiêng như một trải nghiệm. *Vedas* không phải là trí tưởng tượng của một chủng tộc hay tâm trí man rợ, nguyên thủy. Các Rishis đồng thời có kiến thức và trải nghiệm cá nhân tối cao về mức độ tồn tại về thể chất, tinh thần và thánh thiêng, do đó, nhiều học giả phương Tây đã đề cập đến *Vedas* là không có tính hướng ngoại. Sri Aurobindo đã nghiên ngẫm *Vedas* thông qua một số tác phẩm của mình và tư tưởng của ông thu hút một lượng lớn môn đồ. Nhiều *stalwarts* - tín đồ sùng tín trong 100 năm qua ở Ấn Độ đến từ các gia đình theo *Vedas*, những người có nguồn gốc sâu xa trong việc học thánh điển này. Một số người đã bị ảnh hưởng bởi các tác phẩm về *Vedas* của Maharshi Dayananada Saraswathi, Swami Vivekananda và Sri Aurobindo.

Với quá trình thực dân hóa nhanh chóng tâm trí của người Hindu và việc đề cao chủ nghĩa dân tộc Hindu ở Ấn Độ trong thế kỷ 21, nhiều học giả đã nhận thức được những diễn giải mang tính chất phân mảnh của các học giả lấy châu Âu làm trung tâm của thế kỷ 19. Những nỗ lực đang được tiến hành để viết lại lịch sử văn hóa và chính trị của Ấn Độ bởi các lực lượng Hindutva. Giới học thuật đã bắt đầu phản ứng lại với những quan điểm khác nhau về lịch sử Ấn Độ cổ đại và đương đại và đưa ra những cách để giải thích *Vedas* từ những quan điểm rộng lớn hơn. Với tư cách một quá trình quan trọng để giải phóng tâm trí Hindi khỏi tư duy thuộc địa hóa Hindu, cái được coi là quyền tối cao của thời kỳ thuộc địa khi giải thích và bình luận về *Vedas*, các thần chú và rishis đã bị giới học thuật mới đặt câu hỏi. Hiện tượng này cũng lan rộng đến các lĩnh vực có liên quan về lịch sử cổ đại, niên đại của cuộc chiến trong *Mahabharatha* và thuyết xâm lăng của người Aryan. Nghiên cứu *Vedas* vẫn chiếm một vị trí quan trọng trong việc tìm hiểu xã hội Hindu đương đại nói riêng. /.

Đỗ Thu Hà dịch.

CHÚ THÍCH:

- 1 Coomaraswamy, Ananada, “A New Approach to the Vedas”, Originally published in 1933, published by Munshiram Manohar Lal, New Delhi, 1994.
- 2 Jnana được biết đến là tri thức và triết học Ấn Độ từ *Vedas* và *Upanishads* đến Jain giáo, Phật giáo và Sáu hệ thống triết học của Hindu giáo (Yoga-Sankhya, Nyaya-Vaisheshika, Purva Meemasa-Uttara meemasa) rất quan trọng đối với kiến thức chung. Nó rất cởi mở khi tranh luận và thử nghiệm (chú thích của người dịch).
- 3 DVG: ‘Sanskriti’ Translated by Prof Sheshagiri Rao L S, DVG Balaga Prathisthana, Bengaluru, 2018.
- 4 Theo từ điển trực tuyến Merriam Webster, “gánh nặng của người da trắng” có nghĩa là gánh nặng nghĩa vụ của người da trắng trong việc quản lý công việc của những người không phải là người da trắng và kém phát triển hơn. https://www.google.com/search?ei=eXLXXaChMu-Er7wPOZqx-AY&q=white+man%27s+burden+webster+definition&oq=white+man%27s+burden+in+web&gs_l=psy-ab.3.0.0i22i30

9508.12745..14314...0.2..0.101.1123.12j1.....0....1..gws-wiz.....
 Oi71j0j0i67._J8laVtuHWA

Ví dụ như cuốn *White Man's Burden: India and Britain in the 19th Century*, Arun Banerji, Economic and political weekly 40(27):2973-2978, January 2005.

- 5 Goel Sita Ram: *Heroic Hindu Resistance to Muslim Invaders 636 AD to 1206 AD*: 1984.
- 6 Abraham Roger được tổ chức Amsterdam Classis gửi đến Ấn Độ và ông đã cập bến tại bờ biển Coramandala (1632). Ông biết tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Hà Lan và tiếng Tamil. Như Meenakshi Jain viết, với sự giúp đỡ của Padmanabha - một đạo sĩ Bàlamôn theo triết lý Advaita, ông học được về phong tục và tín ngưỡng của đạo Hindu. Cuốn sách của ông, *De Opendeure tot het verborgen heydendom*, được xuất bản năm 1651, là một trong những câu chuyện đầy đủ và khách quan nhất về Hindu giáo do người nước ngoài viết. Bà cũng nói thêm rằng là một trong những người châu Âu đầu tiên dịch *Bhartrahari*. Quan sát của ông về *Vedas* và đạo sĩ Bà la môn rất thú vị: [Đặc quyền chính của đạo sĩ Bàlamôn là đọc *Vedas*], đó là cuốn sách của những kẻ ngoại đạo về các đạo luật, bao gồm trong chính nó, tất cả những gì họ phải tin và tất cả các nghi thức họ phải tuân theo. Cuốn sách này được viết bằng ngôn ngữ samskortam và đạo sĩ Bàlamôn, những người không có ý định tham gia vào thương mại, hay học nó (Ed, Jain, Meenkashi, *The India They Saw Foreign Account 16th 17th Century*, Volume III, 2011, p .214).
- 7 Một số học giả coi Bartholins là người sáng lập Nhân chủng học (Anthropology). Theo các định nghĩa ban đầu, Anthropology là [...] khoa học về con người, được phân chia một cách thông thường và với lý do tập trung vào giải phẫu, xem xét cơ thể và các bộ phận, và Tâm lý học, nói về linh hồn.
- 8 Các chú thích dành cho các từ gốc Sanskrit là chú thích của người dịch.
- 9 Ngày nay, Jones được biết với việc thực hiện và tuyên truyền quan sát về mối quan hệ giữa ngôn ngữ Ấn-Âu. Trong bài diễn văn nhân dịp kỷ niệm lần thứ ba của Hiệp hội Á châu (1786), ông cho rằng các ngôn ngữ tiếng Phạn, tiếng Hy Lạp và tiếng Latinh có nguồn gốc chung, và thực sự tất cả chúng có thể liên quan đến nhau, lần lượt với các ngôn ngữ Gothic và Celtic, cũng như Ba Tư.
- 10 Saraswathi, Prakashananda Swami, *The True History and Religion of India, A concise Encyclopedia of Authentic Hinduism*, p. 284-85.
- 11 Jagadguru Chandrashekhara Saraswathi Swamigal, *Voice of God*, Volume, 2, Sri kanchi Mahaswami Peetharohana Shatabdhi Mahotsava Trust, Mumbai, 2006,
- 12 *The Vedas*, Containing the speeches of Max Muller from 1865 to 1882. 1969.

- 13 *The Vedas*, Containing the speeches of Max Muller from 1865 to 1882. 1969.
- 14 *The Vedas*, Containing the speeches of Max Muller from 1865 to 1882. 1969
- 15 Saraswathi, Prakashananda Swami, sách đã dẫn, Appendix IV, p. 743.
- 16 Shiksha là một từ tiếng Phạn, có nghĩa là “hướng dẫn, học tập, nghiên cứu kỹ năng”. Nó cũng đề cập đến một trong sáu Vedas, hay các nhánh của nghiên cứu *Vedas*, về ngữ âm và âm vị học trong tiếng Phạn (chú thích của người dịch).
Shiksha là lĩnh vực nghiên cứu âm thanh Veda, tập trung vào các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Phạn, trọng âm, số lượng, giai điệu và quy tắc kết hợp các từ ngữ trong một bài tụng ca Veda. Mỗi trường phái Veda cổ đại đã phát triển lĩnh vực này của Vedanga, và sách giáo khoa ngữ âm lâu đời nhất còn tồn tại là *Pratishakyas*. *Paniniya-Shiksha* và *Naradiya-Shiksha* là những ví dụ về các bản thảo cổ còn tồn tại của lĩnh vực nghiên cứu Veda này.
Shiksha là môn phái phụ trợ lâu đời nhất và đầu tiên của *Vedas*, được duy trì từ thời Veda, nhằm mục đích xây dựng âm thanh và ngôn ngữ để tổng hợp các ý tưởng, trái ngược với các nhà ngữ pháp đã phát triển các quy tắc để giải cấu trúc ngôn ngữ và hiểu các ý tưởng. Lĩnh vực này đã giúp bảo tồn *Vedas* và *Upanishads* như những khẩu thần của Hindu giáo từ thời cổ đại, và được chia sẻ bởi các truyền thống Hindu giáo khác nhau (chú thích của người dịch).
- 17 Vyākaraṇa có nghĩa là “giải thích, phân tích” đề cập đến một trong sáu Vedangas cổ đại, phụ trợ kết nối với *Vedas*, là kinh điển trong Hindu giáo. Vyakarana là nghiên cứu về phân tích ngữ pháp và ngôn ngữ trong tiếng Phạn (ND).
- 18 Một trong sáu Vedangas, hoặc các nhánh của nghiên cứu *Vedas*. Đó là nghiên cứu về nét thơ và câu thơ trong tiếng Phạn (chú thích của người dịch).
- 19 Jyotisha là khoa học theo dõi và dự đoán các chuyển động của các thiên thể để giữ thời gian. Nó đề cập đến một trong sáu Veda cổ đại, là khoa học phụ trợ kết nối với *Veda* - kinh điển của Hindu giáo. Lĩnh vực nghiên cứu này liên quan đến việc giữ đúng các ngày và giờ theo nghi lễ Veda. Thuật ngữ *Jyotisha* cũng đề cập đến chiêm tinh học Hindu giáo, một lĩnh vực có khả năng phát triển trong nhiều thế kỷ sau khi tiếp xúc với chiêm tinh học Hy Lạp qua Alexander Đại đế vì cung hoàng đạo của chúng gần giống nhau (chú thích của người dịch).
- 20 Kalpa là một từ tiếng Phạn có nghĩa là một khoảng thời gian tương đối dài (theo tính toán của con người) trong vũ trụ học Hindu giáo và Phật giáo. Trong ngôn ngữ Pali của Phật giáo sơ khai, từ này có gốc là *kappa*, và được đề cập đến trong kinh điển lâu đời nhất của Phật giáo, *Sutta*

- Nipata - Bộ bộ chân kinh.* Điều này nói về “Kappâtita: một người đã vượt khỏi thời gian, một vị Alahán”. Phần này của các bản thảo Phật giáo bắt nguồn từ phần giữa của thiên niên kỷ TCN. Nói chung, *kalpa* là khoảng thời gian giữa sự sáng tạo và giải trí của một thế giới hoặc vũ trụ. Định nghĩa của một *kalpa* tương đương 4,32 tỷ năm được tìm thấy trong *Thần tích Puranas*, cụ thể là *Vishnu Purana* và *Bhagavata Purana* (chú thích của người dịch).
- 21 Nirukta có nghĩa là “giải thích, diễn giải” và đề cập đến một trong sáu Vedangas cổ đại, hay khoa học phụ trợ kết nối với *Vedas*. Nirukta bao gồm từ nguyên, liên quan đến việc giải thích chính xác các từ tiếng Phạn trong *Vedas* (chú thích của người dịch).
Nirukta là sự sáng tạo có hệ thống của một thuật ngữ và nó thảo luận về cách hiểu các từ cổ xưa, không phổ biến. Lĩnh vực này có thể phát triển vì gần một phần tư các từ trong các văn bản *Vedas* được sáng tác trong thiên niên kỷ thứ 2 TCN chỉ xuất hiện một lần (chú thích của người dịch).
- 22 Sri Aurobindo and Greek Philosophy, Vishwanath Prasad Varma, Philosophy East and West , Vol. 10, No. 3/4 (Oct., 1960 - Jan., 1961), pp. 135-148.
- 23 Sri Aurobindo and Greek Philosophy, Vishwanath Prasad Varma, Philosophy East and West , Vol. 10, No. 3/4 (Oct., 1960 - Jan., 1961), pp. 135-148.
- 24 Vashishtha là một trong những *Vish* rishis lâu đời nhất và được tôn kính nhất. Ông là một trong những Saptarishis (bảy rishis vĩ đại) của Ấn Độ. Vashishtha được ghi là tác giả chính của *Mandala số 7* của *Rig Veda*. Vashishtha và gia đình của ông được đề cập trong câu Rigvedic 10.167.4 và các mandala *Rig Veda* khác và trong nhiều văn bản Veda. Ông được Adi Shankara gọi là nhà hiền triết đầu tiên của trường phái triết học Hindu giáo Vedanta (chú thích của người dịch).
- 25 Gritsamada là một rishi, được ghi nhận với hầu hết *Mandala 2* của *Rigveda* (chú thích của người dịch).
- 26 Sri Aurobindo: Archives and Research, vol. 2, April-December 1978, source: <https://auromere.wordpress.com/books/vedas/>
- 27 https://www.hinduwebsite.com/divinelife/auro/auro_veda.asp last seen on November 29, 2019 from Vietnam.
- 28 https://www.hinduwebsite.com/divinelife/auro/auro_veda.asp
- 29 *Bhashya* là một “lời bình luận” hoặc “giải trình” của bất kỳ văn bản chính hoặc phụ nào trong văn học Ấn Độ Cổ đại hoặc Trung cổ. Phổ biến trong văn học tiếng Phạn, *Bhashya* cũng được tìm thấy trong các ngôn ngữ Ấn Độ khác. *Bhashya* được tìm thấy trong các lĩnh vực khác nhau, từ Upanishads đến các thánh điển của các trường phái triết học Hindu giáo, từ y học cổ đại đến âm nhạc (chú thích của người dịch).

- 30 Sayana còn được gọi là Sāyaṇācārya; mất năm 1387, là một học giả tiếng Phạn từ Đế chế Vijayanagara phía Nam Ấn Độ, gần Bellary ngày nay. Với tư cách một nhà bình luận quan trọng về *Vedas*, ông đã phát triển mạnh mẽ dưới thời vua Bukka Raya I và người kế vị Harihara II.
- 31 https://www.aurobindo.ru/workings/sa/10/0003_e.htm
See also https://www.infinityfoundation.com/mandala/h_es/h_es_goel-m_aryan_frameset.htm
- 32 https://www.aurobindo.ru/workings/sa/04/0012_e.htm?__cf_chl_jschl_tk__=4a8116e4c0dbe1b407c0eaecbba7ebe30b4b0584-1574968972-0-AZ3GVLw9LpQheASvscBtJ2PAO8gqCcMklu60sBRChzJnLgAB8cHIVwVvUE05J88ck5rIWn0Q8N3DnmyMmQzd8tXndhn3ngmvD882E9bwEWuvmKlrvxFSIW9pO_BgU2BwDD6Po5KPpeEQFxNFha_PG2L_Gpjqo203aqF0Oj_mEB13FNFWs8LeQbxJIP8wwWvq4dYssTriFHJI_wuJ9euUu3RpUNgQxXe6tl6-0T8oVptABGhnov73WG1LuJw-8ATuquHM2IKOvVn-ldbMgKb1PJThklrU5nIGsa4832nEVJm
- 33 https://www.hinduwebsite.com/divinelife/auro/auro_puranas.asp

Abstract

VEDIC STUDIES OF SRI AUROBINDO IN THE BACKGROUND OF EURO-CENTRIC STUDIES

Dr. G.B. Harisha

Scholar on Hinduism

and Director of Swami Vivekananda Cultural Centre, Hanoi

Vedas are the fountain head of Indic tradition and India has preserved the oral Vedic tradition of Vedas in the past millennia as far as possible in an unbroken way. In the meantime India has encountered both Islamic and European cum Christian onslaught in the area of culture. Euro-centric view has impacted the study of many Indian ancient texts including the Vedas, as colonial supremacy- Western philosophy and theology and have played a major role in shaping the oriental Vedic interpretations in the past 300 years of scholarship. The current paper attempts to show the indigenous thoughts of Yogi Sri Aurobindo in developing an Indian response to the existing dominant view on the characteristics of Vedas.

Keywords: Euro-centric; Sri Aurobindo; Vedas.